

Số: 08/2024/Q, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân - gia đình thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm: 1985

- Bị đơn: Anh Nguyễn Lý T1, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số E, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Trụ sở tại: Tổ dân phố số C, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Trụ sở tại: Tổ dân phố số C, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Lý T1;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân:

Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Lý T1 đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung:

Chị **Ngô Thị T** nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là: Cháu **Nguyễn Lý P**; sinh ngày 29/08/2009 và cháu **Nguyễn Lý Phương T2**; sinh ngày 18/05/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh **Nguyễn Lý T1** đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Lý P** mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu **P** đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh **Nguyễn Lý T1**.

Về tài sản chung:

Chị **Ngô Thị T** và anh **Nguyễn Lý T1** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Chị **Ngô Thị T** nhận trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P**, tỉnh Quảng Nam số tiền là: 93.000.000 đồng (*Chín mươi ba triệu đồng*). Trong đó nợ gốc là 93.000.000 đồng – Nợ lãi 0 đồng (Tiền lãi tính đến tháng 8/2024).

- Anh **Nguyễn Lý T1** nhận trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, tỉnh Quảng Nam** tổng số tiền là: 237.929.861 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc: 236.924.574 đồng và nợ lãi là: 1.005.287 đồng (tiền lãi tính đến ngày 02/8/2024).

Trong đó gồm 02 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thấu chi cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4213LAV202200390, ngày 16/07/2024:

Số tiền còn nợ là: 200.986.301 đồng (*Hai trăm triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm lẻ một đồng*). Trong đó nợ gốc: 200.000.000 đồng - Nợ lãi: 986.301 đồng (Tiền lãi tính đến ngày 02/8/2024).

- Hợp đồng thấu chi 4213LAV20230151, ngày 21/12/2023:

Số tiền còn nợ là: 29.924.574 đồng (*Hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng*).

Dư nợ gốc thấu chi tính đến ngày 02/8/2024.

- Hợp đồng tín dụng số 4213LAV202100618, ngày 25/10/2021:

Số tiền còn nợ: 7.018.986 đồng (*Bảy triệu không trăm mười tám ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng*). Trong đó nợ gốc là: 7.000.000 đồng – Nợ lãi: 18.986 đồng (Tiền lãi tính đến ngày 02/8/2024).

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), đã giảm $\frac{1}{2}$ án phí; án phí cấp dưỡng nuôi con: 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), đã giảm $\frac{1}{2}$ án phí. Tổng cộng: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị **Ngô Thị T** đồng ý nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **Ngô Thị T** đã nộp là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003507 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Phước Sơn;
- UBND thị trấn Khâm Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Pơ Loong Đ